3.1c THÁNH NHÂN KÝ SỰ (Apadāna) - C. Trưởng Lão Ký Sự - Phần Thứ Nhất (Phẩm XX-XXIX)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 5 (VNC PHVN, 2021)

THÁNH NHÂN KÝ sự 183

XX. PHẨM IAMÃLAPUPPHIYA (TAMẢLAPUPPHIY4K4GGƠ)

191. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TAMÃLAPUPPHIYA (Tamālapupphiyattherāpadānam) 2214. Tòa lâu đài với tám mươi bốn ngàn cột trụ làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra cho tôi, tợ như [phép mầu do] cây như ý của chư thiên. 2215. Với tâm ý trong sạch, tôi đã cầm lấy bông hoa tamâla và đã dâng lên đức Phật Sikhī, là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2216. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2217. Trước đây hai mươi kiếp, chỉ một mình [tôi] có tên Candatitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tamâlapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Tamãlapupphiya55 là phần thứ nhất

192. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASANTHARADĀYAKA (Tinasantharadāyakattherāpadānam) 2219. Cỏ mà vị Ẩn sĩ sống ở trong rừng [đã] cắt cho bậc Đạo Sư, tất cả cỏ ấy đã ngã xuống ở trên mặt đất, nghiêng về phía phải. 2220. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cỏ ấy và đã trải ra ở phần cao nhất của mặt đất. Và tôi đã mang lại chỉ ba lá cây thốt nốt. 2221. Sau khi làm mái che bằng cỏ, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha. Chư thiên và nhân loại đã duy trì [mái che] cho bậc Đạo Sư ấy trong bảy ngày. 2222. Ke từ khi tôi đã dâng cúng cỏ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cỏ. 2223. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahaddhanā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

l Tamãlapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) tamla."

184 KINH TIỂU BỘ

2224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinasantharadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão Tinasantharadāyaka55 là phần thứ nhì.

193. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHANDAPHULLIYA (Khandaphulliyattherāpadānam) 2225. Lúc bấy giờ, ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Phussa ở trong khu rừng bao la đã bị phá sập bởi các con voi, có cây cối đã mọc lên ở nơi ấy. 2226. Được vui lòng với các đức hạnh của bậc Thầy của tam giới ấy, tôi đã san băng cho loi lõm va đã dang cung khoi voi bote 2227. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khối vôi bột. 2228. [Trước đây]

bảy mươi bảy kiêp, mười sáu vị [cùng] tên Jitasena đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2229. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Khandaphulliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Khandaphulliya" là phần thứ ba.

194. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ASOKAPŪJAKA (Asokapūjakattherāpadānam) 2230. Lúc bấy giờ, ở thành phố Tīvarā đáng yêu đã có khu vườn thượng uyển, ở tại nơi ấy, tôi đã là người giữ vườn, có sự sinh hoạt gắn bó với đức vua. 2231. Đấng Tự Chủ tên Paduma đã là vi có hào quang. Khi bậc Hiền Trí ấy ngồi ở nơi cây sen trắng, bóng râm đã không rời khỏi Ngài. 2232. Sau khi nhìn thây cây asoka đã được trô hoa, nặng tnu từng chùm, có dáng nhìn xinh đẹp, tôi đã dâng lên đức Phật có tên là Padumuttara. 2233. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2234. Trước đây ba mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng tên] Arunañjaha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2235. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 2 Tinasantharadāyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dāyako) tấm thảm (santhara) bằng cỏ (tỉnà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 185

Đại đức Trưởng lão Asokapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Asokapūjaka" là phần thứ tư.

195. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAKA (Añkolakattherāpadānam) 2236. Sau khi nhìn thấy cây añkola với chùm hoa cao quý có lớp vỏ bọc đã được trổ hoa, tôi đã hái xuống bông hoa ấy và đã đi đến gặp đức Phật. 2237. Vào thời điểm ấy, bậc Đại Hiền Trí Siddhattha có sự ẩn cư. Sau khi bày tỏ sự tôn kính trong chốc lát, tôi đã rải rắc bông hoa ở nơi hang động. 2238. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2239. Trước đây ba mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị Devagajjita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Aôkolaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ký sự về Trưởng lão Ahkolaka” là phần thứ năm.

196. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KISALAYAPŪJAKA (Kisalayapūjakattherāpadānam) 2241. Tôi đã có môt vườn hoa ở thành phố Dvāravatī. Và có giếng nước ở ngay tại nơi ấy là nguồn cung cấp [nước] cho các loài thực vật. 2242. Có lòng thương tưởng đến tôi, vị Siddhartha không bị đánh bại ấy, được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, đi đến ở trên không trung. 2243. Tôi không nhìn thấy bất cứ vật nào khác đáng để cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi nhìn thấy chồi non của cây asoka, tôi đã thảy [chồi non ấy] lên không trung. 2244. Trong khi đức Phật đang di chuyển, các chồi non ấy đi theo phía sau của Ngài. Tôi đây sau khi đã nhìn thấy thần thông ấy [đã tán dương rằng]: “Oi, tính

chất cao thượng của đức Phật! 2245. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên chồi non trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2246. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị Ekassara độc nhất, là đấng Chuyên Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2247. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 Asokapūjaka nghĩa là tcvị cúng dường (pụịakă) bông hoa asoka." 4 Añkolaka nghĩa là "vj có bông hoa añkola.^,

Đại đức Trưởng lão Kisalayapūjaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĚÍKý sự về Trưởng lão Kỉsalayapũj aka" là phần thứ sáu.

197. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINDUKADÃYAKA (Tindukadãyakattherãpadãnam) 2248. Tôi đã là con khỉ có sức mạnh và nhanh nhẹn, thường lai vãng ở nơi hiểm trở của ngọn núi. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. 2249. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã lìa khỏi [chỗ ngụ] vài ngày và đã xem xét đấng Lãnh Đạo Thê Gian Siddhattha, bậc đã đi đến tận cùng ba cõi. 2250. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian cùng với một ngàn bậc Vô lậu đã đi đến gần tôi. 2251. Sau khi làm cho sanh khởi niềm himg phấn, tôi đã đi đến gần, có trái cây ở tay. Đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã thọ nhận. 2252. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 2253. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị có tên upananda, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2254. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tindukadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Tindukadãyaka^ là phần thứ bảy.

198. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPŪJAKA (Mutthipūjakattherāpadānam) 2255. Vì lòng thương tưởng hậu thế, đức Thế Ton tên Sumedha, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, đấng Chiến Thắng đã ra sức nỗ lực. 2256. Trong khi bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy đang đi kinh hành, tôi đã dâng lên đức Phật nắm tay gồm những bông hoa girinela. 2257. Do sự tịnh tín ây ở trong tâm, được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp. 2258. Trong hai ngàn ba trăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Sunela, là người độc nhất được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2259. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 Kisalayapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pūjaka) các chồi non (kisalayăyy 6 Tindukadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây tinduka.,^

Đại đức Trưởng lão Mutthipūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Mutthipūjaka55 là phần thứ tám.

199. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIÑKANIPUPPHIYA (Kiñkanipupphiyattherāpadānam) 2260. Đấng Tự Chủ tên Sumañgala, bậc Không Bi Đánh Bại, đấng Chiến Thắng đã rời Idiỏi khu rừng bao la và đa đi vào thành phố. 2261. Sau khi thực hành việc đi khất thực, bậc Hiền Trí đã lìa khỏi thành phố. Có phận sự đã được làm xong, bậc Toàn Giác ấy đã cư ngụ ở trong khu rỉmg. 2262. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiñkani và đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ. 2263. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2264. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Apilãpiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2265. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kiñkanipupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Kiñkanipupphiya" là phần thứ chín.

200. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YŨTHIKÃPUPPHIYA (Yūthikāpupphiyattherāpadanam) 2266. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi đến trú xá. 2267. Sau khi cầm lấy bông hoa yũthika tối thượng bằng cả hai tay, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc co tâm tư ái như thế ấy. 2268. Do sự tịnh tín ây ở trong tâm, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu và đã không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2269. Trước đây năm mươi kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Samittanandana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2270. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Yũthikãpupphiya" ỉa phần thứ mười. 7 Mutthipūjaka nghĩa là "vj cúng dường (pũịakă) nắm (mutthī) bông hoa."

8 Kiñkanipupphiya nghĩa là uvị liên quan đen bông hoa ịpuppha) kiñkapi.” 9 Yũthikãpupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (pupphà) yūthikā.^,

188 KINH TIỂU BÔ

Phần tóm lược Vị có bông hoa tamãla, thảm trải băng cỏ, vị khám phá sự đô v&, vị liên quan đến bông hoa asoka, vị có bông hoa aốkola, chồi non, trái cây tinduka, các bông hoa nelā, vị có bông hoa kiñkani, vị có bông hoa yũthikâ; [tổng cộng] có năm mươi tám câu kệ. Phẩm Tamãlapupphiya là phẩm thứ hai mươi.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm Vị dâng cúng thức ăn, [vi có] đoàn tùy tùng, bông hoa sereyya, Trưởng lão Sobhita là tương tợ, vị có chiếc lọng che, bông hoa bandhiyīva, vị có sự phục vụ khéo léo, bông hoa kumuda, bông hoa kutaja và luôn cả vị có bông hoa tamãla đã được thực hiện là thứ mười. Có sáu trăm câu kệ và sáu mươi sáu câu thêm vào đó. Nhóm tỉr phẩm Bhikkhā. Nhóm wMột trăm55 thứ nhì được đầy đủ.

THÁNH NHÂN KÝ sự 189

XXI. PHẨM KANIKĀRAPUPPHIYA (KANIKẴRAPUPPHr^KÍGGƠ)

201. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANIKĀRAPUPPHIYA (Kanikārapupphiyattherāpadānam) 2271. Sau khi nhìn thấy cây kanikāra đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã hái xuống [bông hoa] và đã dâng lên [đức Phật] Tissa, bậc đã vượt qua dòng lũ như thế ấy. 2272. [Ke từ khi] toi đã cúnệ dường bong hoa trước đây chín mươi hai kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2273. Trước đây ba mươi lăm kiêp, [tôi đã là] vị nôi danh tên Arunapānī, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2274. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kanikārapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng ião Kaọikãrapupphiya" là phần thứ nhất

202. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MINELAPUPPHIYA (Minelapupphiyattherāpadānam) 2275. Đức Thế Tôn Sikhī hùng tráng có màu da vàng chói, có trăm ánh hào quang, có sự huy hoàng, có tâm từ ái, đã bước lên con đường kinh hành. 2276. Với tam tịnh tín, với ý vui mừng, sau khi đảnh lễ bậc có trí tuệ tối thượng, tôi đã cầm lấy bông hoa minela và đã dâng lên đức Phật. 2277. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2278. Vào kiếp [thứ] hai mươi chín, [tôi đã là] vị tên Sumedhayasa, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2279. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Minelapupphiya12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Minelapupphiya" là phần thứ nhì. 1 Kanikãrapupphỉya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa ịpupphă) kanikara.,i 2 Níinelapupphiya nghĩa là "vi liên quan đến bông hoa (pupphũì) minela.,^

203. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KIÑKINIKAPUPPHIYA (Kiñkinikapupphiyattherūpadānam) 2280. Bậc Toàn Tri, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [sáng chói] trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã lội xuống hồ nước lạnh và đã tắm. 2281. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiñkini và đã dâng lên [đức Phật] Vipassassĩ, đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2282. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2283. Vào kiếp [thứ] hai mươi bảy, [tôi đã là] đức Vua Bhĩmaratha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2284. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kiñkinikapupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy “Ký sự về Trưởng lão Kiùkinikapupphiya" là phần thứ ba.

204. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA (Taraniyattherāpadānam) 2285. Đức Thế Tôn Atthadassí, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu các bậc Thinh văn đã đi đến bờ sông Gaủgâ. 2286. Sông Gañgā đã tràn nước đến mé bờ khiến loài quạ có

thể uống được, khó có thể vượt qua. Tôi đã đưa đức Phật, bậc Tối Thượng Của Loài Người, cùng với hội chúng Tỳ-khưu sang sông. 2287. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông]. 2288. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, năm vi [cùng tên] Sabbhogavâ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2289. Và trong kiếp sống cuối cùng này, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn. Cùng với ba người bạn, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của bậc Đạo Sư. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Taraniya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Taraniya95 là phần thứ tư. 3 Kiñkinikapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) kiñkini.„ 4 Taraniya nghĩa là t4vị liên quan đến việc đưa sang (tarand) song,"

205. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA (Niggundipupphiyattherāpadānam) 2290. Tôi đã là người phụ việc tu viện của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi đã cầm lấy bông hoa niggundi và đã dâng lên đức Phật. 2291. [Ke từ khi] tôi đã cung dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2292. Trước đây ba mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2293. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Niggundipupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy “Ky sự về Trưởng lão Niggundipupphiya^ là phần thứ năm.

206. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAKADÃYAKA (Udakadāyakattherūpadānam) 2294. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có tâm ý thanh tịnh, không bị chộn rộn, đang thọ thực, tôi đã cam lấy bình nước và đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha. 2295. Giờ đây, tôi không còn bợn nhơ, được xa lìa ô nhiễm, sự hoài nghi đã được đoạn tận. Trong khi sanh lên ở cõi hữu, quả báo tốt đẹp phát sanh [đến tồi]. 2296. Ke từ khi tôi đã cúng dường nước trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước. 2297. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Vimala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Udakadâyaka” là phần thứ sáu.

207. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SALALAMẢLIYA (Saỉalamãỉiyattherũpadānam) 2299. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Điều Phục Nhân Siddhartha ngồi ở trong vùng đồi núi đang chói sáng như là cây kanikāra, đang làm cho tất cả các phương rực sáng. 5 Niggundipupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) niggundi„^ 6 ưdakadâyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) nước (ụdakă)y

2300. Khi ấy, không do dự tôi đã dùnậ cây cung và đã giương lên mũi tên. Sau khi đã cắt đứt bông hoa có luôn cả cuống, tôi đã dâng lên đức Phật. 2301. [Ke từ khi] tôi đã cúng đuờng bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2302. Trước đây năm mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Jutindhara độc nhất, là đấng Chuyên Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalamâliya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Salalamâliya^ là phần thứ bảy.

208. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA (Korandapupphiyattherāpadānam) 2304. Trong khi đi theo sau từng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã nhìn thấy bàn chân đang bước đi được điểm tô dấu hiệu hình bánh xe [của Ngài]. 2305. Sau khi nhìn thấy cây koranda đã được trổ hoa, tôi đã cung dường [bông hoa] ở dấu chân [Ngài]. Trở nên mừng rỡ, tôi đã đảnh lễ dấu chân tối thượng với tâm mừng rỡ. 2306. [Ke từ khi] tôi đã cung đuờng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân [đức Phật]. 2307. Vào kiếp thứ bảy mươi lăm, tôi đã là Vĩtamala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2308. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Korandapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Korandapupphiya" là phần thứ tám.

209. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĀDHĀRADẢYAKA (Ādhāradāyakattherāpadānam) 2309. Chân đế bình bát đã được tôi cúnậ dường đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Tôi cai quản toàn bộ trái đất này cùng với tất cả tài nguyên. 2310. Các phiền não của toi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

7 Salalamâliya nghĩa là "vj liên quan đến chùm hoa (mãlã) salala." 8 Korandapupphiya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa (puppha) koranda.,,

THÁNH NHÂN KÝ sự 193

2311. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bốn người [cùng] tên Samantacarana đã là các đang Chuyên Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2312. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ādhāradāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ãdhãradãyaka95 là phần thứ chín.

210. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VÃTÃTAPANIVÃRIYA (Vātātapanivāriyattherāpadānam) 2313. Tôi đã cúng dường một chiếc lọng đến đức Thế Tôn Tissa, vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, với tâm ý trong sạch. 2314. Điều ác xấu của tôi được chặn đứng, có sự thành tựu của điều thiện. [Chư thiên] năm giữ chiêc lọng ở không trung [che cho tôi], điêu này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2315. [Đây là] lân sau cùng của tôi trong sự luân chuyên, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo

pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 2316. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng chiêc lọng. 2317. Trước đây bảy mươi hai kiếp, tám bậc thống lãnh dân chúng [cùng] tên Mahānidāna đã là các đang Chuyên Luân Vương. 2318. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão vātātapanivāriya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão vātātapanivāriya55 ỉa phần thứ mườĩ.

Phần tóm lược Bông hoa kanikāra, bông hoa minela, bông hoa kiñkini, với sự vượt qua, vị có bông hoa niggundi, vị cúng dường nước, bông hoa salala, bông hoa kurandaka, [vi dâng cúng] chân đê bình bát, lọng che năng; [tông cộng] có bốn mươi tám câu kệ. Phẩm Kaọikãrapupphiya là phẩm thứ hai mươaĩ mốt.

9 Ādhāradāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) chân đế (ādhāra) bình bat?9 10 Vātātapanivāriya nghĩa là uvị liên quan đến vật ngăn cản (nivārana) gió (vata) và sức nóng (ātapa)y

Ị 94 KINH TIỂU BÔ

L PHẨM HATTHI (HATTHIVĂGGƠ)

211. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO HATTHIDẢYAKA (Hatthidãyakattherãpadãnam) 2319. Con voi hạng nhất có ngà dài như gọng xe, vững chãi, đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Ton Siddhartha, bậc Chúa Te Của Loai Người như thế ấy. 2320. Tôi thọ hưởng mục đích tối thượng là trạng thái an tịnh vô thượng. Vật thí cao quý đã được tôi dâng cúng đến vị tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian. 2321. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con voi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng con voi. 2322. Vào kiếp [thứ] bảy mươi tám, mười sáu vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2323. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Hatthidâyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Hatthidãyaka^ là phần thứ nhất

212. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃNADHIDẢYAKA (Pānadhidāyakattherāpadānam) 2324. Tôi đã dâng cúng đôi dép đến vị Ẩn sĩ già cả, sống ở rừng, có sự khổ hạnh dài lâu, có nội tâm đã được phát triển. 2325. Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con thọ hưởng mọi phương tiện di chuyển; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2326. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép. 2327. Trước đây bảy mươi bảy kiếp, tám vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Suyâna đã là các đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2328. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1 Hatthỉdâyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) con voi (hatthĩ)y

THÁNH NHÂN KÝSự^ 195

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pãnadhidãyaka" là phần thứ nhì.

213. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SACCASAÑÑAKA (Saccasañ̃akattherāpadānam) 2329. Vào lúc ấy, trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, [đức Phật] Vessabhū, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu? [đã] thuyết giảng về các chân lý cao thượng. 2330. Là người thành tựu tâm bi mẫn cao tột, tôi đã đi đến cuộc hội họp. Ngồi xuống, an tịnh, tôi đây đã lắng nghe giáo pháp của bậc Đạo Sư. 2331. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. Tôi đã cư ngụ giữa chư thiên trong thành phố ở tại nơi ấy ba mươi kiếp. 2332. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về chân lý. 2333. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Ekaphusita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2334. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saccasañ̃aka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Saccasañ̃aka" là phần thứ ba.

214. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA (Ekasañ̃akattherāpadanam) 2335. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ. 2336. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2337. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Amitâbha, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2338. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekasañ̃aka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekasañ̃aka" là phần thứ tư. 2 Pãnadhidãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) đôi dép (pãnadhĩ)y 3 Saccasañ̃aka nghĩa là suy tưởng (sañ̃aka) về chân lý (sacco)y 4 Ekasañ̃aka nghĩa là có một lần (ekā) suy tưởng (sañ̃ā)."

215. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA (Ramsisañ̃akattherāpadānam) 2339. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như con hổ hùng tráng cao quý khéo được sanh ra, [đang ngồi] ở trong vùng đồi núi. 2340. Năng lực ấy của đức Phật chói sáng ở trong vùng đồi núi. Sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2341. Do nhờ sự tịnh tín ây ở trong tâm và cũng nhờ vào sự niệm tưởng đên đức Phật, việc thiện đã được tôi thực hiện tốt đẹp trong các kiếp còn lại. 2342. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2343. Vào kiếp thứ năm mươi bảy, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sujātā, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2344. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ramsisañ̃aka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão

Ramsisaññaka" là phần thứ năm.

216. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SANTHITA (SanỊhitatíherãpadãnam) 2345. ở tại cội cây assattha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh lục, tôi đã đạt được sự suy tưởng thuần túy hướng đên đức Phật, có niệm [đây đủ]. 2346. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, do nhờ tác động của sự suy tưởng ấy, sự đoạn tận các lậu hoặc đã được tôi đạt đến. 2347. Trước đây mười ba kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Dhanittha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2348. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Santhita6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Santhita55 là phần thứ sáu.

217. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAVANTADĀYAKA (Tālavantadāyakattherāpadānam) 2349. Chiếc quạt lá cọ đã được toi dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời Tissa nhằm mục đích dập tắt sự nóng nực và làm lắng dịu sự bực bội.

5 Ramsisaññaka nghĩa là suy tưởng (saññakā) đến hào quang (ramsi) của đức Phát.” 6 Santhita nghĩa là (có sự suy tưởng) đã được bền vững (santhita)y

2350. Tôi tự mình dập tát ngọn lửa tham ái và đặc biệt hơn nữa là ngọn lửa sân hận. Và tôi dập tát ngọn lửa si mê; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ. 2351. Các phiền não của toi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 2352. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2353. Trước đây sáu mươi ba kiêp, [tôi đã là] vị tên Mahānāma, là đang Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2354. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tālavantadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Tālavantadāyaka" là phần thứ bảy.

218. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AKKANTASAÑÑAKA (Akkantasaññakattherāpadānam) 2355. Sau khi cầm lấy tấm vải choàng thô xấu, tôi đã [đi đến] thành phố của vị thầy tế độ. Và tôi học tập về chú thuật làm bẻ gãy mũi tên. 2356. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Là bậc ưu tú, cao quý, tột đỉnh, đức Phật Tissa là bậc Tối Thượng của đám đông. 2357. Khi tấm vải choàng thô xấu được trải ra, đấng Tối Thượng Nhân, bậc Đại Hùng, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu trong khi bước đi đã đặt chân len [tấm vải choaưig]. 2358. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian ấy tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, với tâm ý trong sạch tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư. 2359. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng tấm vải choàng thô xấu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải choàng thô xấu. 2360. Trước đây ba mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sunanda, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2361. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được

[tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Akkantasañña ka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Akkantasañña ka" là phần thứ tám.

219. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPPIDẢYAKA (Sappidāyakattherāpadānam) 2362. Ngồi ở nơi cao quý của tòa lâu dài, được trọng vọng bởi đám phụ nữ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn bị lâm bệnh và đã thỉnh vào trong nhà.

198 KINH TIỂU BỒ

2363. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi vào, tôi đã dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến bậc Đại Ẩn sĩ Siddhattha. 2364. Sau khi nhìn thấy sự mệt nhọc đã được lắng xuống, khuôn mặt và giác quan đã được rạng rỡ, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ngợi ca ở phía trước Ngài. 2365. Là bậc đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi nhìn thấy tôi có nội tâm đã khéo được tịnh tín, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bâu trời. 2366. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn. 2367. Trước đây mười bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Jutideva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2368. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sappidâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. Ế6Ký sự về Trưởng lão Sappidãyaka" là phần thứ chín.

220. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃPANIVÃRIYA (Pãpanivãríyattherâpadãnam) 2369. Con đường kinh hành của đức Thế Tôn Piyadassĩ đã được tôi làm sạch sẽ, được che bởi những cây sậy, có sự ngăn cản gió và sức nóng. _ " • 2370. Tôi đã nô lực trong giáo pháp của bậc Đạo Sư nhăm mục đích lánh xa điều ác, nhằm sự thành tựu việc thiện, nhằm sự dứt bỏ các điều ô nhiễm. 2371. Trước đây mười một kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aggideva, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pãpanivãriya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ốốKý sự về Trưởng lão Pãpanivãriya^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược [Vi cúng dường] con voi, đôi dép, [vị suy tưởng về] chân lý, các hào quang, [vị có sự suy tưởng] đã được bền vững, vị có cây quạt lá cọ, tương tợ là vị suy tưởng về việc [đức Phật] đã bước lên, bơ lỏng, vị có sự ngăn cản điều ác; [tổng cộng] có năm mươi bon câu kệ. Phẩm Hatthi là phẩm thứ hai mươi hai.

7 Sappidâyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) bơ lỏng (sappi)y 8 Pãpanỉvãriya nghĩa là tuvị liên quan đến vật ngăn chặn (nivārana) điều ác (pāpā)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 199

xxm. PHẨM ÃLAMBANADẢYAKA (ẢLAMBANADẴY4KAK4GGƠ)

221. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ÃLAMBANADÃYAKA (Ālambanadāyakattherāpadānam) 2373. Vật tựa [lưng] đã được tôi dâng cung đến đức Thế Tôn Atthadassĩ, bậc Trưởng

Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2374. Tôi cai quản trái đất bao la bao gồm biển cả và tôi thực hiện quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng ở trên trái đất. e 5 e r r e

2375. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành. 2376. Trước đây sáu mươi hai kiêp, ba vi Sát-đê-lỵ [cùng] tên Ekãpassita ây đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2377. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ālambanadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ālambanadāyaka" là phần thứ nhất

222. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AJINADĀYAKA (Ajinadāyakattherāpadānam) 2378. Trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi đã là bậc thầy của đám đông. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. 2379-80. Mảnh da thú đã được toi dânệ cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Nhờ vào việc làm ấy ở ng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp cua đấng Chánh Đẳng Giác. 2381. [Ke từ khi] tôi đã dâng cung tấm da dê trước đâỵ ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm da dê. 2382. Trước đây vào kiếp thứ năm, tôi đã là đức Vua Sudâyaka, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.*

Ālambanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) vật tựa lưng (ãlambanà)y

2383. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ajinadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ajinadayaka55 là phần thứ nhì.

223. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DVIRATANIYA (Dvirataniyattherāpadānam) 2384. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. 2385. Tôi đã dân^ Cling đến bậc Đại Ân Sĩ Vipassī một lát thịt. Tôi được thiết lập làm vị chúa tể ở thế gian luôn cả chư thiên. 2386. Do nhờ sự dâng cúng lát thịt này, châu báu sanh lên cho tôi. Hai loại châu báu này ở thế gian đưa đen sự thành tựu của đời hiện tại. 2387. Tôi thọ hưởng tất cả các thứ ấy nhờ vào năng lực của sự dâng cúng lát thịt. Thân thể của tôi mềm mại, trí tuệ của tôi có sự nhận biết vi tế. 2388. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng lát thịt trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lát thịt. 2389. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã la người độc nhất thống lãnh dân chúng. Vị ấy tên là Mahârohita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dvirataniya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Dvirataniya55 là phần thứ ba. (Dứt tụng phàm thứ mười).

224. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ẢRAKKHADÃYAKA (Ārakkhadāyakattherāpadānam) 2391. Tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn đến đức Thế Tôn Siddhartha. Và tôi đã dâng cúng sự bảo vệ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ. 2392. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và sự hãi sợ. Khi được sanh lên ở bất cứ dâu, sự run sợ của tôi là không được biết đến. 2393. [Ke từ khi] toi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn. 2394. Trước đây vào kiếp thứ sáu, [tôi đã là] vị tên Apassena, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2 Ajinadāyaka nghĩa là t4vị dâng cúng (dāyako) tấm da dê (ạjina)y 3 Dvỉratanỉya nghĩa là tcvị liên quan đến hai (dùi) loại châu báu ịratanà)y

2395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trướng lão Ảrakkhadâyaka^ là phần thứ tư.

225. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVYÃDHIKA (Avyādhikattherāpadānam) 2396. Tôi đã dâng cúng gian nhà sưởi ấm đến đức Thế Tôn Vipassī, chỗ trú ngụ và bình chứa nước nóng đến những người bị bệnh. 2397. Do việc làm ấy, thân thể của tôi đã được tạo thành tốt đẹp, tôi không còn biết đến bệnh tật; điêu này là quả báo của nghiệp phước thiện. 2398. Ke từ khi tôi đã dâng cúng gian nhà trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của gian nhà sưởi ấm. 2399. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị tên Aparā)ita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2400. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avyâdhika5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Avyâdhika” là phần thứ năm.

226. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAPUPPHIYA (Añkolapupphiyattherāpadānam) 2401. Nārada là tên của tôi, Ịmọi người] biết đến tôi là Kassapa. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị đứng đầu trong so các Sa-môn? được chư thiên tôn kính. 2402. Đức Phật có các tướng mạo phụ là vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Tôi đã cầm lấy bông hoa añkola và đã dâng lên đức Phạt. 2403. [Ke từ khi] tôi đã cúng đuờng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2404. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Romasa, có sự trang sức với ngọc trai và tràng hoa, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng. 2405. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Añkolapupphiya6 đã nói lên những lòi kệ này như thế ấy. ^Ký sự về Trưởng lão Añkolapupphiya" là phần thứ sáu. 4 Ārakkhadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) sự bảo vệ (ārakkho). 5 Avyãdhika nghĩa là 4tvị không có bệnh tật (yyādhi).99 6 Añkolapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) añkola.,,

227. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SOVANNAVATAMSAKIYA (Sovannavatamsakiyattherāpadānam) 2406. Trong khi đi ra khu vực vườn hoa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy vòng hoa đội đầu bằng vàng được kiến tạo khéo léo. 2407. Cỡi trên lưng của con voi, tôi đã mau chóng từ nơi ấy leo xuống và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2408. [Ke từ khi] toi đã Cling dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2409. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2410. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sovannavatamsakiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 46Ký sự về Trưởng lão Sovannavatamsakiya^ là phần thứ bảy.

228. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MIÑJAVATAMSAKIYA (Miñjavatamsakiyattherāpadānam) 2411. Khi đấnẹ Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vi đang thuyết giảng đã Niet-bàn, tôi đã thực hiện việc cúng dường cội Bồ-đề với những vòng hoa đội đầu được xếp đặt các nơi. 2412. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề. 2413. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là vi tên Meghabbha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật5 có oai lực lớn lao. 2414. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mifij avatamsakiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Miñj avatamsakiyaw là phần thứ tám.

229. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUKATẢVELIYA (Sukatãveỉiyattherãpadãnam) 2415. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Asita. Sau khi chọn lấy vòng hoa đội đầu, tôi đã ra đi để dâng lên đức vua. 2416. Khi chưa gặp được đức vua, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Sikhī. Được mừng rỡ, tôi đã dâng [vòng hoa] lên đức Phật với tâm mừng rỡ.

7 Sovannavatamsakiya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (yatarnsaka) bằng vàng (sovanna)y 8 Miñjavatamsakiya nghĩa là "vj liên quan đến vòng hoa đội đầu (yatarnsaka) bằng ruột cây {rniñjā)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 203

. Z 2417. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt e 9 r ỉ A .

kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2418. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị vua có oai lực lớn lao tên Vebhāra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sukatâveliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sukatâveliya" là phần thứ chín.

230. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVANDIYA (Ekavandiyattherāpadūnam) 2420. Đang Anh Hùng Vessabhū là bậc ưu tú, cao quý trong sô các vị thăng trận. Với tâm tịnh tín,

với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 2421. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 2422. [Trước đây] hai mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Vigatânanda, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2423. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekavandiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Ekavandiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vật tựa [lưng], tấm da dê, vị dâng cúng thịt, vị thí chủ về sự bảo vệ, sự không bi bệnh, [bông hoa] añkola, [vòng hoa] vàng, [vòng hoa] ruột cây, vòng hoa đội đầu và sự đảnh lễ; [tổng cộng] có năm mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích. Phẩm Ãlambanadãyaka là phẩm thứ hai mươi ba.

9 Sukatãvelỉya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (ãvelí) đã được làm (kata) khéo léo 10 Ekavandỉya nghĩa là <svị liên quan đến một lần (ekā) đảnh lễ ịyandanā)y

XXIV PHẨM UDAKĀSANA (UDAKĀSANAVAGGO)

231. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAKÃSANADẢYAKA (Udakãsanadãyakattherãpadãnam) 2424. Sau khi đi ra khỏi cổng của tu viện, tôi đã trải ra tấm ván. Và tôi đã phục vụ nước nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 2425. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở [sự bố thí] chỗ ngồi và nước. 2426. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisãma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2427. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakāsanadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng ião Udakãsanadâyaka" là phần thứ nhất

232. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHAJANADĀYAKA (Bhājanadāyakattherāpadānam) 2428. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ làm gốm ở thành phố Bandhumatī. Trong khi ấy, tôi đã cung cấp bát đĩa đến hội chúng Tỳ-khưu. 2429. [Ke từ khi] toi đã cung cấp bát đĩa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] bát đĩa. 2430. Trước đây năm mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Anantajāli, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2431. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhājanadāyaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4ẾKý sự về Trưởng lão Bhājanadāyaka" là phần thứ nhì.

1 Udakāsanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) nước (udakā) và chỗ ngồi (ãsanà)y 2 Bhājanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) bát đĩa ịbhậjanà)y

233. KÝ sự VÈ TRƯỞNG LÃO SÃLAPŨPIYA (Sãlapũpiyattherãpadãnam) 2432. Tôi đã là người bán bánh ngọt ở thành phố Arunavatī. Tôi đã nhìn thây đang Chiên Thăng Sikhī đang đi ngang qua cánh cửa của tôi. 2433. Với tâm ý trong sạch, tôi đã nhận lấy bình

bát của đức Phật và đã dâng cúng bánh ngọt sālā đến đức Phật, bậc đã đi đến đạo lộ chân chánh. 2434. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng vật thực cứng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh ngọt sālā. 2435. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vi Amitafijala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sālapūpiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sãlapũpiya59 là phần thứ ba.

234. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KILAÑJADĀYAKA (Kilañjadāyakattherāpadānam) 2437. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ đan lát ở trong thành phố Tivarā đáng yêu. Dân chúng ở nơi ấy được tinh tín ở đấng Quang Đăng Của Thế Gian Sidâiattha. 2438. Người ta tìm kiếm chiếc chiếu nhằm mục đích cúng dường đến đấng Bảo Hộ Thế Gian. Tôi đã dâng cúng chiếc chiếu đến những người đang tiến hành việc cúng dường đức Phật. 2439. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc chiếu. 2440. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kilafljadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão KHafijadyaka" là phần thứ tư.

235. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VEDIKÃRAKA (Vedikūrakattherāpadānam) 2442. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Ton Vipassī.

3 Sâlapũpiya nghĩa ỉa uvị liên quan đến bánh ngọt (pũpă) slã." 4 Kilañjadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) chiếc chiếu (kilañja)y

2443. [Ke từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn. 2444. Trước đây mười một kiêp, tôi đã là vi tên Suriyassama, là đang Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vedikâraka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Vedikâraka^ là phần thứ nắm.

236. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VANNAKĀRA (Vannakūrattherāpadānam) 2446. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ nhuộm màu ở thành phố Arunavatī. Tôi đã nhuộm các màu sác khác nhau cho các xáp vải ở ngôi bảo tháp. 2447. Ke từ khi toi đã nhuộm màu sắc trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng màu sắc. 2448. Trước đây hai mươi ba kiêp, [tôi đã là] vị tên Candupama, là đang Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2449. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực

hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vannākāra đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Vannākāra55 là phần thứ sáu.

237. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PIYÃLAPUPPHIYA (Piyâỉapupphiyattherãpadãnam) 2450. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cây piyâla đã được trổ hoa, tôi đã rải rắc [bông hoa] ở con đường [đức Phật] đã đi qua. 2451. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Piyâlapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Piyalapupphiya” là phần thứ bảy.

5 Vedikãraka nghĩa là <6vị thực hiện (kārako) vòng rào chắn ịyedí)y 6 Piyãlapupphiya nghĩa là 4<vị liên quan đến bông hoa (puppha) piyāla.,,

THÁNH NHÂN KÝ sự 207

238. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBAYÃGADÃYAKA (Ambayãgadữyakattherãpadãnam) 2453. Nương tựa vào nghề nghiệp của mình, tôi đã đi đến khu rừng rậm. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác đang đi, tôi đã dâng cúng vật thí là trái xoài. 2454. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc hiên dâng trái xoài. 2455. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambayāgadāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ambayăgadãyaka55 là phần thứ tám.

239. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIKĀRAKA (Jagatikārakattherāpadānam) 2456. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, việc bố trí đã được tôi điều hành ở ngôi bảo tháp tối thượng của đức Phật. 2457. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố trí. 2458. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jagatikāraka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Jagatikāraka” là phần thứ chín.

240. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VẢSIDÃYAKA (Vāsidāyakattherāpadānam) 2459. Trước đây, tôi đã là người thợ rèn ở trong kinh thành Tivarâ. Tôi đã dâng cúng một lưỡi rìu đến đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. 2460. Ke từ khi tôi đã dâng cúng lưỡi rìu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lưỡi rìu. 246L Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vâsidãyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Vãsidâyaka^ là phần thứ mười.

7 Ambayāgadāyaka nghĩa là thí chủ {dāyako) của việc hiến dâng (yãga) trái xoài (amba)y 8 Jagatikāraka nghĩa là thực hiện (kārako) việc bố trí (jagati)y 9 Vāsidāyaka nghĩa là dâng cúng {dāyako) lưỡi rìu (yãsĩ)y

Phần tóm lược Chỗ ngồi và nước, bát đĩa, vị có bánh ngọt sālā, vị liên quan đến chiếc chiếu, vòng rào chắn, thợ nhuộm màu, bông hoa piyâla, vị bố thí vật hiến dâng là trái xoài, việc bố trí, vị dâng cúng lưỡi rìu; [tổng cộng] có ba mươi tám câu kệ. Phẩm Udakãsana là phẩm thứ hai mươi bốn.

XXV PHẨM TUVARADÃYAKA (JWARADĀYAKAVAGGC^

241. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TUVARADẢYAKA (Tuvaradāyakattherāpadānamj 2462. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi cầm lấy và mang theo hạt tuvara nướng, tôi đã dâng cúng đến hội chúng. 2463. Ke từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của hạt tuvara nướng. 2464. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tuvaradãyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Tuvaradãyaka,5 là phần thứ nhất

242. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NÃGAKESARIYA (Nāgakesariyattherāpadānam) 2465. Sau khi đã kiêm tra cân thận cây cung, tôi đã đi sâu vào trong rừng. Tôi đã nhìn thấy vươn lên đóa hoa sen có tua nhụy rũ xuổng. 2466. Sau khi cầm lấy [bông hoa] bằng hai bàn tay, tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã dâng lên đức Phật Tissa, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2467. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2468. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, bảy vi [cùng] tên Kesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2469. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nãgakesariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Nãgakesariya^ là phần thứ nhì.

243. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALINAKESARIYA (NaḶinakesariyattherũpadãnam) 2470. Tôi là con gà nước sống ở giữa hồ nước thiên nhiên. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên đang di chuyển ở trên không trung.*

Tuvaradâyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) hạt tuvara nướng.,^

2471. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dùng mỏ ngắt đóa hoa sen [có tua nhụy] và đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuọc Của Thế Gian Tissa. 2472. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2473. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Satapatta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2474. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão NaḶinakesariya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão NaḶinakesariya55 ỉa phần thứ ba.

244. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VIRAVIPUPPHIYA TRÙNG CÓC VÂN NAM (Viravipupphiyattherāpadānam) 2475. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ra đi cùng với một ngàn vị có lậu hoặc đã được đoạn tận. Tôi đã cầm lấy bông hoa viravi và đã dâng lên đức Phật. 2476. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2477. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Viravipupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Viravipupphiya59 ỉa phần thứ tư.

245. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUTIDHŪPAKA (Kutidhūpakattherāpadānam) 2478. Tôi đã là người trông nom liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhartha. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình xông khói vào lúc này lúc khác. . 2479. Ke từ khi tôi9 r đã rthực " 9 hiện việc làm 5 ấy trước đây chín mươi bốn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2480. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutidhūpaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Kutidhũpaka" là phần thứ năm.

2 NaỊinakesariya nghĩa là "vj liên quan đến đóa sen (naịinà) có tua nhụy (kesarĩ)y 3 Viravỉpupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (pupphà) viravi.„ 4 Kutidhūpaka nghĩa là xông khói {dhữpakà) thơm liêu cốc (kiựi)'

246. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PATTADÃYAKA (Pattadāyakattherāpadānarn} 2481. Với sự thuần thành tuyệt đối, việc dâng cúng bình bát đã được tôi cung ứng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, bậc có bản thể chính trực như thế ấy. 2482. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát. 2483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pattadâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Pattadâyaka” là phần thứ sáu.

247. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA (Dhātupūjakattherāpadānam) 2484. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha Niết-bàn? tôi đã nhận được một phần Xá-lợi của bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2485. Sau khi nhận lấy phần Xá-lợi ấy của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, trong năm năm tôi đã chăm sóc [phần Xá-lợi ấy] như là [chăm sóc] bậc Tối Thượng Nhân đang còn tại tiền. 2486. Ke từ khi tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo ở sự hau cận Xá-lợi. 2487. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Dhātupūjaka" là phần thứ bảy.

248. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SATTALIPUPPHAPŪJAKA (Sattalipupphapujakattherāpadānam) 2488. Lúc bấy giờ5 tôi đã đặt bảy bông hoa

sattali ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân Vessabhū. 2489. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 2490. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattalipupphapūj aka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* wKý sự về Trưởng lão Sattalipupphapūjaka" là phần thứ tám. 5 Pattadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) bình bát (patto)y 6 Dhātupūjaka nghĩa là "vi cúng dường (pũịakă) Xá-lợi (dhātu)' 7 Sattalipupphapūjaka nghĩa là "vj cúng dường (pūjaka) bông hoa (pupphà) sattali.,^

249. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BIMBUÃLIYA (Bimbijāliyattherāpadānam) 2491. Đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ tên Padumuttara, là nhân vật cao cả. Ngài công bố về bốn sự thật và làm sáng tỏ về vị thế bất tử. 2492. Khi ấy, sau khi ngắt rời các bông hoa bimbijālika, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2493. Trước đây sáu mươi tám kiếp, bốn vi [cùng tên] Kiñjakesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2494. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bimbijāliya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Bimbijāliya^ là phần thứ chín.

250. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDDÃLADÃYAKA (Uddāladūyakattherāpadānam) 2495. Đấng Tự Chủ tên Kakusandha, bậc Không Bi Đánh Bại, sau khi lìa khỏi khu rừng bao la đã đi đến gần con sông lớn. 2496. IGii ấy, với tâm tịnh tín tôi đã cầm lấy bông hoa uddâlaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ, bậc đã tự chế ngự, có bản thể chính trực. 2497. [Ke từ khi] tôi đã cung dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 2498. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uddāladāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Uddãladãyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Hạt tuvara nướng, [vi Trưởng lão] Nâgakesariya, các bông hoa sen, các bông hoa viravi, vị xông khói liêu cốc, bình bát, Xá-lợi5 các bông hoa sattali, các bông hoa bimbijālika, cùng với bông hoa uddâlaka; [tổng cộng] có ba mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc thông minh. Phẩm Tuvaradâyaka là phẩm thứ hai mươĩ lăm.

8 Bimbijāliya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) bimbijāliya.,^ 9 Uddãladãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) bông hoa uddla."

XXVI. PHẨM THOMAKA (THOMAKAVAGGO)

251. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO THOMAKA (Thomakattherāpadānam) 2499. Trong khi đang tru ở thế giới chư thiên, tôi được hoan hỷ sau khi lắng nghe giáo pháp của bậc Đại

Ẩn Sĩ Vipassī, và tôi đã nói nên lời nói này: 2500. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua?5 2501. Ke từ khi tôi đã nói lên lời nói ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 2502. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Thomaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Thomaka” là phần thứ nhất.

252. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKẢSANADÃYAKA ỤEkãsanadãyakattherãpadãnam) 2503. Có ước muốn thực hiện hành động hướng thượng ở giáo pháp của đức Phật tối thượng, tôi đã lìa bỏ vóc dáng thiên nhân và đã cùng với người vợ đi đến nơi này. 2504. Vị Thinh van của [đức Phật] Padumuttara tên là Devala. Vật thực đã được tôi dâng cúng đến vị ấy với tâm ý trong sạch. 2505. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực. 2506. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekãsanadãyaka12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ekâsanadãyaka" là phần thứ nhì.

1 Thomaka nghĩa là tán dương (thomaka)y 2 Ekãsanadãyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dãyako) vật thực (asanà) một lần (ekā)'

214 KINH TIÊU BÔ

253. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 2507. Bậc Giác Ngộ, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Ānanda đã viên tịch Niết-bàn ở trong rừng già hoang rậm, không có bóng người. 2508. Khi ấy, tôi đã từ thế ệiới chư thiên đi đến nơi đây và đã thực hiện lễ hỏa táng. Tại đó, tôi đã thiêu đót thi thể và đã thể hiện sự tôn kính. 2509. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chửng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lào Citakapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ tư.

254. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TICAMPAKAPUPPHIYA (Ticampakapupphiyattherāpadānam) 2511. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Vikata. ở trung tâm của ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập, cư ngụ. 2512. Sau khi nhìn thây sự an tịnh của vị ây9 với tâm ý trong sạch tôi đã câm lây ba bông hoa campaka và đã rải rác chúng. 2513. [Ke từ khi] tôi đã cung dườiiẸ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2514. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ticampakapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 6íKý sự về Trưởng lão Ticampakapupphiya” là phần thứ tư.

255. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPÃTALIYA (Sattapātaliyattherāpadānam) 2515. Tôi đã dâng lên các bông hoa sattapātali đến đức Phật [trong lúc Ngài] ngồi ở trong vùng đồi núi, đang chói sáng như là cây kanikāra. 2516. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 Citakapũịaka nghĩa là cúng dường (pụịakà) lễ hỏa táng (citako)' 4 Tỉcampakapupphỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến ba (ti) bông hoa (pupphà) campaka."

THÁNH NHÂN KÝ sự 215

Đại đức Trưởng lão Sattapātaliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sattapātaliya^ là phần thứ năm.

256. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPẢHANADÃKAYA (Upāhanadākayattherāpadānam) 2518. Lúc bấy giờ, vị tên Candana đã là người con trai của đấng Giác Ngộ. Tôi đã dâng cúng [đến vi ấy] một đôi dép [ước nguyện rằng]: "Xin ngài hãy giúp con thành tựu quả vị Giác ngộ.95 2519. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép. 2520. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upāhanadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Upāhanadāyaka" là phần thứ sáu.

257. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAÑJARIPŪJAKA (Mañjaripūjakattherāpadānam) 2521. Sau khi đã thực hiện một bó [hoa], tôi đã bước đi ở đường lộ. Tôi đã nhìn thấy bậc cao cả trong số các vi Sa-môn được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu. 2522. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy [bó hoa] bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật. 2523. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bong hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 2524. Trước đây bảy mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa tên Jotiya, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mañjaripūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố4Ký sự về Trưởng lão Mañj aripūj akaw là phần thứ bảy.

258. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANNADĀYAKA (Pannadāyakattherāpadānam) _ 2526. Tôi là vị mặc y phục băng vỏ cây ở nệọn núi Hy-mã-lạp. Thu thúc trong các điều kiện hạn che, tôi có thức ăn là muối và lá cây.

5 Sattapãtalỉya nghĩa là tfcvị liên quan đến bông hoa sattapātali.,, 6 ưpâhanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) đôi dép (upâhanà)y 7 Mañjaripūjaka nghĩa là cúng dường (pụịakă) bó hoa (mañjari)y

216 KINH TIÊU BÔ

2527. Vào lúc bữa ăn sáng đã điểm, [đức Phật] Siddhartha đã đi đến gặp tôi. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên các thứ ấy đến đức Phật. 2528. Ke từ khi tôi đã dâng

cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây. 2529. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức vua Yadatthiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2530. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pannadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Pannadāyaka55 là phần thứ tám.

259. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUTIDĀYAKA (Kutidāyakattherāpadānam) 2531. Lúc bấy giờ, là vị hành pháp ngụ ở rừng, đấng Toàn Giác đã cư ngụ ở gốc cây. Tôi đã thực hiện gian nhà lá và đã dâng cúng đến bậc Không Bị Đánh Bại. 2532. Ke từ khi toi đã cúng dường cái chòi lá trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái chòi. 2533. Trước đây hai mươi tám kiếp, mười sáu vị vua được gọi là Sabbattha-abhivassĩ đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 2534. Bổn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chửng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutidāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Kutidāyaka^ là phần thứ chín.

260. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AGGAJAPUPPHIYA (Aggajapupphiyattherāpadānam) 2535. [Toi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác Sikhī có màu da vàng chói ngồi ở trong vùng đồi núi đang chiếu sáng các hào quang như là ngọn lửa. 2536. Tôi đã cầm lấy bông hoa aggaja và đã đi đến gần đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật [bông hoa ấy]. 2537. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2538. [Trước đây] hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

8 Pannadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) lá cây (panna)y 9 Kutidāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) liêu cốc (kiựĩ)'

THÁNHNHÂNKÝSỰ* 217

2539. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Aggaj apupphiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Aggajapupphiya59 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị tán dương, một bữa ăn, giàn hỏa thiêu, bông hoa campaka, bông hoa sattapātali, đôi dép, bó hoa, lá cây, vị dâng cúng cái chòi, bông hoa aggaja; và các câu kệ đã được tính đếm ở đây là bốn mươi mốt câu cả thảy. Phẩm Thomaka là phẩm thứ hai mươi sáu.

10 Aggcỳapupphỉya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa (puppha) aggaja."

218 KINH TIỂU BỘ

xxvn. PHẨM ẢKẢSUKKHIPIYA (ẢKẢSUKKHIPIY4VĂGGO)

261. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀKĀSUKKHIPIYA (Ākāsukkhipiyattherāpadanam) 2540. Trong khi đấng Nhân Ngưu Siddhattha có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ, tôi đã cầm lấy hai bông hoa cao quý mọc ở trong nước và đã đi đến gặp Ngài. 2541. Tôi đã đặt xuống một bông hoa ở các bàn chân của đức Phật tối thượng, và tôi đã cầm lấy một bông hoa rồi đã thảy lên không trung. 2542. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 2543. Trước đây ba mươi hai kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Antalikkhacarā, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2544. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ākāsukkhipiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ākāsukkhipiya^ là phần thứ nhất.

262. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TELAMAKKHIYA (Telamakkhiyattherāpadānam) 2545. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Nhân Ngưu đã Niết-bàn, ngay khi ấy tôi đã thoa dầu ở vòng rào chắn của cội cây Bồ-đề. 2546. Kể từ khi toi đã thoa dầu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc thoa [dầu]. 2547. Irước đây hai mươi bốn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Succhavi, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2548. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Telamakkhiya1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Telamakkhiya^ là phần thứ nhì. 1 Ẵkãsukkhỉpỉya nghĩa là 44vị liên quan đến việc thảy lên (ụkkhepa) không trung (ākāso)y 2 Telamakkhỉya nghĩa là liên quan đến việc thoa (makkhanà) dầu (tela)'

THÁNH NHÂN KÝ sự 219

263. KỶ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ADDHACANDIYA (Addhacandiyattherapadānam) 2549. Bông hoa addhacanda đã được tôi dâng cúng ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Tissa ỉa loại thảo mộc sanh trưởng ở trên trái đất. 2550. [Ke từ khi] tôi đã dâng len bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đe. 2551. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Devala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Addhacandiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Addhacandiya" là phần thứ ba.

264. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADĪPIYA (Padīpiyattherāpadānam) 2553. Lúc bấy giờ, trong khi là vị thiên nhân, tôi đã ngự xuống trái đất. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng năm ngọn đèn. 2554. Ke từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đèn. 2555. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2556. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padĩpiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Padipiya” là phần thứ tư.

265. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILÃLIDÃYAKA (Bilālidāyakattherāpadānam) 2557. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Romaso. ở tại chân ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập. 2558. Tôi đã cầm lấy củ bilālī và đã dâng cúng đến vị Sa-môn. Bậc Đại Hùng, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ rằng: 2559. "Ngươi đã dâng cúng củ biḶâlĩ đến Ta với tam ý trong sạch. Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, quả báo sẽ sanh khởi đến nguôi." 2560. [Ke từ khi] tôi đã dâng cung củ bilālī trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của củ bilālī.

3 Addhacandiya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa addhacandiyA”

4 Pađĩpiya nghĩa là t4vị liên quan đến ngọn đèn (padīpā)'

2561. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bilālidāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Bilālidāyaka" là phần thứ năm.

266. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MACCHADÃYAKA (Macchadāyakattherāpadānam) 2562. Lúc bấy giờ, tôi đã là con chim img ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã gắp lấy con cá lớn và đã dâng cúng đến bậc Hiền Trí Siddhartha. 2563. Ke từ khi tôi đã dâng cúng con cá trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con cá. 2564. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Macchadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trường lão Macchadãyaka59 là phần thứ sáu.

267. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAVAHAMSAKA (Javahamsakattherāpadānam) 2565. Lúc bấy giờ, tôi đã là lính kiểm lam ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Siddhattha đang di chuyển ở trên không trung. 2566. Trong khi ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo. 2567. [Ke từ khi] toi đã đảnh lễ đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 2568. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Javahamsaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Javahamsaka" là phần thứ bảy.

268. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA (Salalapupphiyattherāpadānam) 2569. Lúc bấy giờ? tôi đã là loài Kim Si điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī được bao phủ bằng mạng lưới hào quang. 2570. Với tâm tinh tín, với ý viii mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy bông hoa salala và đã rải rắc đến [đức Phật] Vipassī. 2571. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt 5 BiḶâlidãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) củ biḶālī.,, 6 Macchadãyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dāyako) cá (macchà)y

kiep, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'KV sự về Trưởng lão Salalapupphiya95 là phần thứ tám.

269. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPÃGATÃSAYA (Upãgatãsayattherãpadãnam) 2573. ở trung tâm của núi Hy-mã-lạp có cái hồ nước đã khéo được tạo lập. Tôi đã là loài quỷ dữ ở tại nơi ấy, có bản chất quấy rối, là kẻ gây nên nỗi hãi sợ. 2574. Có ý muốn tiếp độ tôi, bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī ấy đã đi đến gặp tôi. 2575. Khi bậc Đại Hùng, vi Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã đi ra khỏi nơi trú ẩn và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư. 2576. [Ke từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 2577. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upāgatāsaya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Upãgatãsaya" là phần thứ chín.

270. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TARANIYA (Taraniyattherāpadānam) 2578. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói là bậc xứng đáng sự cúng dường. Bậc Đạo Sư dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đã đứng ở bờ sông. 2579. Thuyền bè là phương tiện vượt qua biển cả không được tìm thấy ở tại nơi ấy. Tôi đã đi ra khỏi dòng sông và đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông]. 2580. [Ke từ khi] tôi đã đưa bậc Tối Thượng Nhân sang [sông] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông]. 2581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Taraniya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Taraniya95 là phần thứ mười.

7 Salalapupphiya nghĩa là "vi liên quan đến bông hoa (pupphà) salala." 8 Upãgatãsaya nghĩa là 4<vị có chỗ ngụ (āsayā) đã được đức Phật đi đến gần {ụpãgată)y 9 Taranỉya nghĩa là uvị liên quan đến việc đưa sang (tarana) sông.,,

Phần tóm lược Vị có sự thảy lên [bông hoa], dầu thoa, vị có [bông hoa] addhacanda, vị dâng cúng cây đèn, vị dâng cúng củ bilālī, con c vị tên Javahamsaka, vị dâng cúng bông hoa salala, loài quỷ dữ, vi đưa sang [sông] là mười. Và ở đây được ghi nhận là bốn mươi mốt câu kệ cả thảy. Phẩm Ãkãsukkhipiya là phẩm thứ hai mươi bảy.

xxvm. PHẨM SUVANNABIMBOHANA (SUVANNABIMBOHANAVAGGO)

271. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUVANNABIMBOHANIYA (Suvannabimbohaniyattherāpadānam) 2582. Được tinh tín, tôi đã tự tay mìiỷi dâng cúng một cái ghế. Và tôi đã dâng lên cái gối nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 2583.

[Ke từ khi] toi đã dâng cúng cái gối trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái gối. 2584. Trước đây vào kiếp thứ sáu mươi ba, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Asamā, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2585. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Suvannabimbohaniya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Suvannabimbohaniya95 là phần thứ nhất

272. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TILAMUTTHIDĀYAKA (Tilamutthidāyakattherāpadānam) 2586. Biết được ý đinh của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã đi đến bằng thần thông với thân được tạo thành bởi ý. 2587. Khi Ngài đang đi đến gần, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư, đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng [một] nắm hạt mè. 2588. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm hạt mè. 2589. Trước đây mười sáu kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Nandiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2590. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tilamutthidāyaka12đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Tilamutthidāyaka^ là phần thứ nhì. 1 Suvannabimbohaniya nghĩa là 44vị liên quan đến cái gối (bimbohana) vàng (suvannd)y 2 Tilamutthidāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) nắm tay (mutthi) hạt mè (tilā)'

273. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CAÑGOTAKIYA (Cañgotakiyattherāpadānam) 2591. [Đức Phật Siddhattha] sống ở trong vùng đồi núi kề cận biển cả. Sau khi đi ra tiếp đón [Ngài] tôi đã thực hiện và đã dâng cúng cái hộp [đựng bông hoa]. 2592. Sau khi dâng cúng cái hộp đựng bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả chúng sanh, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2593. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng cái hộp trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái hộp. 2594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Cañgotakiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Cañgotakiya95 là phần thứ ba.

274. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA (Abbhafifanadāyakattherāpadānam) 2595. Đức Thế Tôn Kondañfia là vị có tâm bình đẳng như hư không, có thiền chứng không bị chướng ngại, có tham ái đã được lìa bỏ như thế ấy. 2596. Bậc Đạo Sư, đấng Chúa Te Của Loài Người là vị vượt qua tất cả si mê, là bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian, tôi đã dâng cúng thuốc cao đến Ngài. 2597. Ke từ khi tôi đã dâng cúng thuốc cao trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc cao. 2598. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Cirappa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Abbhañj anadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão

Abbhañjanadāyaka55 ỉa phần thứ tu*.

275. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA (Ekañjaliyattherāpadānam) 2600. Tôi đã dâng cúng khu vực sinh sống [cô tịch] đến vi Sa-môn, bậc Đại An Sĩ đang cư ngụ tại cội cây sung, nơi tâm thảm lá cây đã được xác định. 3 Cañgotakiya nghĩa là 4tvị liên quan đến cái hộp (cañgotaka)y 4 Abbhañjanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) thuốc cao (abbhañjana)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 225

2601. Sau khi chắp tay lên9 tôi đã trải ra tấm thảm bằng bông hoa đến [đức Phật] Tissa, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. 2602. [Ke từ khi] tôi đã thực hiện tấm thảm bằng bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm. 2603. Trước đây mươi bốn kiếp, tôi đã là bậc thống lãnh loài người tên Ekañjalikaṃ là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2604. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekañjaliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ekahjaliya" là phần thứ năm.

276. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO POTTHADẢYAKA (Potthadayakattherāpadānam) 2605. Việc cúng dường tâm vải bạt đã được tôi dâng cúng ở đôi tượng đáng được cúng dường vô thượng, trước tiên hết là bậc Đạo Su, giáo pháp, và luôn cả hội chung của bậc Đại Ẩn Sĩ nữa. 2606. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải bạt. 2607. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Potthadãyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Potthadãyakaw là phần thứ sáu.

277. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 2608. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã đặt ở giàn hỏa thiêu bảy bông hoa mâluva. 2609. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường lễ hỏa táng trước đây chín mươi bốn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu. 2610. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Patijagga đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 2611. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Citakapũjakaw là phần thứ bảy.

5 Ekaĩyaliya nghĩa là liên quan đến một lần (ekā) chắp tay (añjalī)y 6 Potthadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) tấm vải bạt (pottha)y 7 Citakapũịaka nghĩa là "vj cúng dường (pụịakà) lễ hỏa táng (citakă)y

226 KINH TIỂU Bộ

278. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLUVADĀYAKA (Ãluvadãyakattherãpadãnam) 2612. ở ngọn núi Hy-mã-lạp, có con sông Mahâsindhu có dáng hình xinh đẹp. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Sudassana; Ngài là bậc có tham ái đã được lìa bỏ, có ánh sáng

rực rỡ. 2613. Sau khi nhìn thấy bậc được gắn liền với sự an tinh tột bực, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng cúng rê cây âluva đên Ngài. 2614. Ke từ khi tôi đã dâng cúng rễ cây âluva trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của rễ cây âluva. 2615. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āluvadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ãluvadâyaka^ là phần thứ tám.

279. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKAPUNDARĪKA (Ekapundarīkattherāpadānam) 2616. Lúc bấy giờ, đấng Tự Chủ tên Romasa là bậc có sự hành trì tốt đẹp. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng [đến Ngài], 2617. Kê từ khi tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trăng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đóa hoa sen trắng. 2618. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapundarīka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ekapundañka" là phần thứ chín.

280. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TARANĪYA (Taranīyattherāpadānam) 2619. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cho xây dựng cây cầu ở đường lộ lớn gập ghềnh để giúp cho mọi người vượt qua [đoạn đường ấy]. 2620. [Ke từ khi] tôi đã cho xây dựng cây cầu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây càu. 2621. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vi tên Samogadha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2622. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

8 Āluvadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) rễ cây aluva." 9 Ekapundarīka nghĩa là <Ếvị có một (ekā) đóa hoa sen trắng (pundarīkă)y

Đại đức Trưởng lão Taranīya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Taranīya55 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vàng, năm hạt mè, cái hộp, thuôc cao, sự chăp tay, vi có tâm vải bạt, giàn hỏa thiêu, rễ cây âluva, một đóa hoa sen trắng, với cây cầu; [tổng cộng] có bốn mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Suvannabimbohana là phẩm thứ hai mươi tám. (Dứt tụng phẩm thứ mười một).

10 Tarañīya nghĩa là t4vị liên quan đến việc vượt qua (tarana)r

XXIX. PHẨM PANNADĀYAKA (PANNADĀYAKAVAGGO)

281. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANNADĀYAKA (Pannadāyakattherāpadānam) 2623. Tôi đã ngồi xuống trong gian nhà lá, có bữa ăn là vật thực bằng lá cây. Bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi trong lúc tôi đang ngồi. 2624. Bậc Quang Đăng Của Thế Gian Siddhartha là người thầy thuốc của tất cả thế gian. Khi Ngài đã ngồi xuống ở tấm thảm lá cây, tôi đã dâng cúng lá cây đen Ngài. 2625. Ke từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín

mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng lá cây. 2626. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pannadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĒÍKý sự về Trưởng lão Pannadāyaka55 là phần thứ nhất.

282. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PHALADÃYAKA (Phaladāyakattherāpadānam) 2627. [Đức Phật Siddhattha] áy có sự an tịnh sánh băng núi Sineru, tợ như vật nâng đỡ trái đất, sau khi xuất khỏi thiền định đã đi đến gần tôi về việc khất thực. 2628. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa. 2629. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng tất cả thức ăn ấy đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhartha, vị Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả thế gian. 2630. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling trái cây. 2631. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Ekajjha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2632. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Pannadayaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) lá cây (panna)y

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Phaladâyaka" là phần thứ nhì.

283. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PACCUGGAMANIYA (Paccuggamaniyattherāpadānam) 2633. Bậc Nhân Ngưu đang đi đến, giống như loài sư tử lang thang ở trong rừng, giống như loài bò mộng thuần chủng, tợ như cây kakudhā đang chói sáng. 2634. Với tâm ý trong sạch, tôi đã thực hiện việc đi ra tiếp đón đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhartha, vị thầy thuốc của tất cả thế gian. 2635. [Ke từ khi] tôi đã đi ra tiếp đón đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi ra tiếp đón. 2636. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Saparivâra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2637. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paccuggamaniya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĒÍKý sự về Trưởng lão Paccuggamaniya55 là phần thứ ba.

284. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUPPHIYA {Ekapupphiyattherāpadānam} 2638. Lúc bấy giờ, tôi đã là con yêu tinh ở cánh cổng phía Nam. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. 2639. Tôi đã dâng cúng một bông hoa đến bậc Tối Thượng Nhân Vipassī, vị Có Sự Tầm Cầu Lợi ích Cho Tất Ca Thế Gian, bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2640. Ke từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão

Ekapupphiya” là phần thứ tư.

2 Phaladãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây (phalà)y 3 Paccuggamanỉya nghĩa là t4vị liên quan đến việc đi ra tiếp đón (paccuggamanà)y 4 Ekapupphỉya nghĩa là uvị liên quan đến một (ekã) bông hoa ịpupphà)y

285. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGHAVAPUPPHIYA (Maghavapupphiyattherãpadãnam) 2642. ở bờ sông Nammadã, có đấng Tự Chủ là bậc Không Bị Đánh Bại. Ngài đã chứng đạt thiền đinh, được thanh tịnh, không bị chộn rộn. 2643. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Không Bi Đánh Bại, tôi đã được tịnh tín, có tâm ý vui mừng. Khi ấy, tôi đã dâng cúng đấng Tự Chủ ấy với bông hoa maghava. 2644. Ke từ khi tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maghavapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* wKý sự về Trưởng lão Maghavapupphiya" ỉa phần thứ năm.

286. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPATTHĀKADĀYAKA (UpaỊỊhãkadâyakattherãpadãnam) 2646. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Long Tượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đang bước đi ở đường lộ. 2647. Sau khi cho người thỉnh mời bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian ấy, tôi đã dâng cúng người phục vụ đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha. 2648. Sau khi tiếp nhận, đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí đã gởi trả lại [người phục vụ cho tôi], rồi đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và ra đi, mặt hướng phìa Đong. 2649. Ke từ khi tôi đã dâng cúng người phục vụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 2650. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Balasena, là đấng Chuyên Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2651. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upatthākadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trường lão Upatthākadāyaka" là phần thứ sáu.

287. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO APADẢNIYA (Apadãniyattherãpadãnam) 2652. Tôi đã ca ngợi sự nghiệp của các đấng Thiện Thệ đến bậc Đại Ẩn Sĩ. 5 Maghavapupphiya nghĩa là Ế4vị liên quan đến bông hoa ịpuppha) maghava.,, 6 Upatthākadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) người phục vụ (ụpatfhãkà)y

Được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bằng đầu và bằng các bàn tay của mình ở bàn chân [của bạc Đại An Sĩ]. 2653. [Ke từ khi] tôi đã ngợi ca sự nghiệp [của chư Phật] trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đên kho cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi. 2654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Apadâniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Apadaniya59 là phần thứ bảy.

288. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SATTĀHAPABBAJITA (Sattāhapabbajitattherāpadānam) 2655. Hội chúng của đức Thế Tôn Vipassī là được tôn sùng kính trọng. Có điều bất hạnh đã xảy đến cho tôi là trước đây thân quyến đã có sự chia rẽ. 2656. Tôi đã đi đến sự xuất gia nhằm làm lắng dịu điều bất hạnh. Tại nơi ấy, do sự mong mỏi giáo pháp của bậc Đạo Su, tôi đã được thỏa thích trong bảy ngày. 2657. Ke từ khi tôi đã xuất gia trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc xuất gia. 2658. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vi lãnh chúa được biết đến với tên “Sunikkhama" đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2659. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattāhapabbajita7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sattāhapabbajita99 là phần thứ tám.

289. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA {Buddhupatthākattherāpadānam) 2660. Lúc bấy giờ, tên của tôi là Vetambarī. Người cha của tôi đã nắm lấy cánh tay của tôi và đã đưa tôi đến bậc Đại Hiền Trí. 2661. [Nghĩ rằng]: “Chu Phật này, các đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian sẽ chỉ dạy cho ta.” Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình phục vụ các vị ấy một cách tôn kính. 2662. Ke từ khi tôi đã chăm sóc chư Phật trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 2663. Trước đây hai mươi ba kiêp? bôn vi Sát-đê-lỵ [cùng] tên Samanupatthāka đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

7 Sattãhapabbcỳita nghĩa là đã xuất gia (pabbajito) bảy (satta) ngày (aha)'

2664. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhupatthāka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Buddhupatthaka" là phần thứ chín.

290. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUBBAÑGAMIYA (Pubbangamiyattherāpadānam) 2665. Nhằm đạt đến mục đích tối thượng, chúng tôi tám mươi bốn ngàn người đã xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong số các vị ấy, tôi đã là người đứng đầu. 2666. Và các vị này được thanh tịnh, không bị chộn rộn, dầu còn tham ái và còn sự tái sanh. Được tịnh tín, các vị này đã tự tay phục vụ [chư Thánh nhân] một cách tôn kính. 2667. Có các lậu hoặc đã được đoạn tận, có sân hận đã được tống khứ, có phận sự đã được hoàn thành, không còn lậu hoặc, các đấng Tự Chủ không bị đánh bại đã lan tỏa với tâm từ ái. 2668. Sau khi phục vụ chư vị đã tự mình giác ngộ, tôi có được niệm, nhimg tôi đã gần kề sự chết. Và chúng tôi đã đi đến bản thể chư thiên. 2669. [Ke từ khi] toi đã gìn giữ giới hạnh trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tự chế ngự. 2670. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pubbañgamiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÉKý sự về Trưởng lão Pubbaửgamiya^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Lá cây, [các] trái cây, sự đi ra tiếp đón, vị có một bông hoa, [vi có] bông hoa maghava, người phục vụ, sự nghiệp [của chư Phật], sự xuất gia, vị phục vụ chư

Phật, vị đứng đâu; [tông cộng] có bôn mươi tám câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Pannadāyaka là phần thứ hai mươi chín.

8 Buddhupatthāka nghĩa là tcvị phục vụ (upatthāka) đức Phật (buddhā)' 9 Pubbañgamiya nghĩa là 'liên quan đến vị đứng đầu, vị đi (gam) ở phía trước (pubba)y

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.